CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT CƠ KHÍ HA VINA

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT CƠ KHÍ HA VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA VINA MECHANICAL TRADING AND MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108347127

3. Ngày thành lập: 03/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9, ngách 109 ngõ Văn Chương 2, tổ 20A, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0904884069* Fax:

Email: *hachi220609@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592(Chính)*
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
3.	Khai thác quặng sắt	*0710*
4.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
8.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
9.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị gia dụng; Bán lẻ các sản phẩm làm từ nhựa.	*4759*
10.	Đúc sắt, thép	*2431*
11.	Đúc kim loại màu	*2432*
12.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
13.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*
14.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
15.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
16.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*

17.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
18.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
19.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	*4773*
20.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4774*
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	*4931*
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	*4933*
23.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
24.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	*2811*
25.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	*2813*
26.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	*2816*
27.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
28.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	*2824*
29.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	*5224*
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng;Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá	*5229*
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	*8299*
32.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	*2829*
33.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	*3020*
34.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
35.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
36.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
37.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	*4511*
39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ đấu giá)	*4530*
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
41.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
42.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	*2814*

43.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	*2815*
44.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
45.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	*2826*
46.	Sản xuất xe có động cơ	*2910*
47.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	*2920*
48.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	*2930*
49.	Sản xuất mô tô, xe máy	*3091*
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	*7730*
51.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	*3250*
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
53.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
54.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
55.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
57.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	*4322*
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
60.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
61.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
62.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
63.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
64.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
65.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
66.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	*3011*
67.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	*3012*
68.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	*3092*
69.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
70.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
71.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch	*4932*
72.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
73.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
74.	Sản xuất máy luyện kim	*2823*

75.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ đấu giá)	*4543*
76.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	*4610*
77.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Loại trừ kinh doanh bất động sản)	*5210*
79.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
80.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
81.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
82.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	*2599*
83.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*
84.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng miếng)	*4662*
85.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại ; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh	*4669*

6. Vốn điều lệ: 300.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐĂNG SƠN	Thôn Ngọc Đình, Xã Hồng Dương, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	150.000.000	50,000	111376951	
2	LÊ THỊ THU TRANG	Số 9, ngách 109 ngõ Văn Chương 2, tổ 20A, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	150.000.000	50,000	012259691	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: LÊ THỊ THU TRANG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/12/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012259691*

Ngày cấp: *04/06/2012* Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 9, ngách 109 ngõ Văn Chương 2, tổ 20A, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 9, ngách 109 ngõ Văn Chương 2, tổ 20A, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội